| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN TÂN PHÚ**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1126/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thức
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :*** Bà Phạm Thị Diệu Hiền *– Kiểm sát viên*.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/04/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 628/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 737/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn*: Ông Trần Mạnh H – sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: chung cư N, phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Bà và ông Trần Mạnh H tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chúc lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 216/2015, quyển số 02/2015 ngày 03/11/2015. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình chồng tại địa chỉ đường L, Phường 10, quận T. Vợ chồng chung sống khoảng một năm thì bà sinh con và chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó hai vợ chồng thuê nhà để sống riêng và làm ăn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, cãi vã. Ông H còn nghiện ma túy. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân từ năm 2018. Thời gian ly thân bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông H cũng về nhà của ba mẹ ruột của mình sinh sống. Hai bên không còn liên lạc hay trao đổi gì với nhau. Nay bà nhận thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Duy A sinh ngày 29/12/2015. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, bà không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Mạnh H nhưng ông H vẫn vắng mặt. Ông H không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông H vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Mạnh H. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà T, ông H chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà T thừa nhận vợ chồng không sống chung nhà nên thiếu sự quan tâm, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông H không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà T yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Trần Duy A sinh ngày 29/12/2015 và không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Bà T xác nhận con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thủy.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông H hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Mạnh H nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông Trần Mạnh H không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà T để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 216/2015, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2015, thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Mạnh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà T và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà T, ông H chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Bà T và ông H không sống chung nhà nên vợ chồng không trao đổi, quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông H không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông H chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Bà T, ông H không còn quan tâm, chia sẽ gì với nhau nên hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trần Duy A sinh ngày 29/12/2015. Bà T không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông H không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ Duy A hiện đang sinh sống cùng bà T. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông H có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà T chịu nhưng được trừ vào số tiền bà T đã tạm nộp án phí .

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Mạnh H. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 216/2015, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2015 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Trần Duy A sinh ngày 29/12/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T chưa có yêu cầu.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông H hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Nguyễn Thị Thu T chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0035377 ngày 14/04/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*** :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
-UBND P 10, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**